

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2023 - 2024
Khoa: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (21T4)							
1	Cung cấp điện (ĐĐT)	0714001676	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công suất (TĐH)	0714000039	Tự luận	90"		x	
3	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0714001688	Tự luận	90'		x	
2022 TRUNG CẤP (22T4)							
1	Cung cấp điện	0714001076	Tự luận	90'		x	
2	Lập trình PLC	0714001674	Tự luận	90"		x	
3	Trang bị điện	0714001683	Tự luận	90'		x	
2023 TRUNG CẤP (23T4)							
1	Điện tử cơ bản (ĐCN)	0714001670	Trắc nghiệm	60"		x	
2	Mạch điện (CĐT, ĐĐT, ĐCN)	0714001070	Trắc nghiệm	60"		x	
3	Máy điện (ĐĐT)	0714002072	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (22C1)							
1	Điện công nghiệp (ĐCN)	0211000036	Tự luận	90'		x	
2	Điện tử công nghiệp (ĐĐT)	0211000038	Tự luận	90"		x	
3	Điện tử công suất (ĐCN)	0211000039	Trắc nghiệm	60"		x	
4	Điện tử tương tự (ĐĐT, TĐH)	0211001291	Trắc nghiệm	60"		x	
5	Hệ thống cơ điện tử (CĐT)	0211003298	Tiểu luận				
6	Kỹ thuật điều khiển tự động (TĐH)	0211000378	Tự luận	90"		x	
7	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐĐT)	0211001419	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Kỹ thuật Robot (CĐT, TĐH)	0211000373	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
9	Lập trình PLC (ĐCN)	0211001287	Tự luận	90"		x	
10	Truyền động điện và ứng dụng (ĐCN)	0211000209	Tự luận	90'		x	
11	Tự động hóa quá trình công nghệ (ĐĐT)	0211000212	Tự luận	90"		x	
2023 CAO ĐẲNG (23C1)							
1	Điện tử cơ bản (CĐT, TĐH, ĐCN, ĐĐT)	0211000037	Trắc nghiệm	60"		x	
2	Khí cụ điện (ĐĐT, ĐCN, TĐH)	0211000248	Tự luận	90'		x	
3	Kỹ thuật số (CĐT, TĐH, ĐCN)	0211000091	Trắc nghiệm	60"		x	
4	Máy điện (ĐCN, ĐĐT, TĐH)	0211000271	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Điện tử công suất (ĐCN, ĐĐT)	0204002502	Trắc nghiệm	60"		x	
2	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0204002251	Tự luận	90'		x	
3	Truyền động điện và ứng dụng (ĐCN)	0204000209	Tự luận	90'		x	
4	Vi xử lý (CĐT, ĐĐT, TĐH)	0204003172	Tự luận	90"		x	
2023 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (23C8)							
1	Điện tử cơ bản (ĐCN)	0223000037	Trắc nghiệm	60"		x	
2	Khí cụ điện (ĐCN)	0223000248	Tự luận	90'		x	
3	Máy điện (ĐCN)	0223000271	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/ 2023 - 2024
Khoa: XÂY DỰNG - NHIỆT LẠNH

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (21T4)							
1	Bơm - Quạt - Máy nén (KML)	714001659	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Điều hòa không khí ô tô (KML, VSL)	714001877	Thực hành				
3	Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí (VSL)	714002296	Tiểu luận				
2022 TRUNG CẤP (22T4)							
1	An toàn lao động (KXD)	0714001820	Trắc nghiệm	60'		x	
2	CAD ứng dụng chuyên ngành (KML)	714002207	Thi trên máy tính	90'	x		
3	Cơ học xây dựng (KXD)	0714002099	Tự luận	60'	x		
4	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD)	0714002104	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kỹ thuật điều hòa không khí (VSL)	714001656	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (23T4)							
1	Cơ sở kỹ thuật lạnh (KML, VSL)	714002204	Tự luận	90'	x		
2	Kỹ thuật điều hòa không khí (KML)	714001930	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Vật liệu xây dựng (KXD)	0714001909	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Vẽ kỹ thuật (KXD)	0714002004	Tiểu luận				
2022 CAO ĐẲNG (22C1)							
1	Chuyên đề máy lạnh (CNL, KML)	211001435	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Đấu thầu và tổ chức đấu thầu (KXD)	0211002109	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Điều hòa không khí ô tô (CNL, VSL, KML)	211001429	Thực hành				
4	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD)	0211002104	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kiến trúc công trình (KXD)	0211002063	Tự luận	60'	x		
6	Kinh tế xây dựng (KXD)	0211002478	Tự luận	60'		x	
7	Kỹ thuật sấy (CNL)	211000090	Tự luận	90'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
8	Lò hơi (CNL)	211000898	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Nhà máy nhiệt điện (CNL)	211002415	Tự luận	90'	x		
10	Thiết kế kho lạnh (VSL)	211000857	Tự luận	90'	x		
11	Thiết kế sơ bộ hệ thống điều hòa không khí (KML, VSL)	211002296	Tiểu luận				
12	Thông gió và xử lý khí thải (KML)	211002417	Trắc nghiệm	60'		x	
13	Tiết kiệm năng lượng trong hệ thống lạnh (VSL)	211002412	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Tổ chức thi công (KXD)	0211001844	Tự luận	60'		x	
15	Tự động hóa hệ thống lạnh (KML)	211001440	Trắc nghiệm	60'		x	
16	Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh (VSL)	211000893	Trắc nghiệm	60'		x	

2023 CAO ĐẲNG (23C1)

1	Cơ học xây dựng (KXD)	0211002065	Tự luận	90'		x	
2	Cơ sở kỹ thuật Điện-Điện tử (KML, VSL, CNL)	211002217	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Địa chất, cơ đất, nền móng (KXD)	0211002064	Tự luận	90'	x		

2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)

1	Cơ sở kỹ thuật điện - điện tử (LĐL, CNL)	204002136	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Cơ sở kỹ thuật lạnh (LĐL, CNL)	204001931	Tự luận	90'	x		
3	Kết cấu bê tông - cốt thép 2 (KXD)	0204001841	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kỹ thuật điều hòa không khí (KML)	204001930	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Thiết kế kho lạnh (VSL)	204000857	Tự luận	90'	x		
6	Tổ chức thi công (KXD)	0204001844	Tự luận	60'		x	
7	Vận hành và bảo trì hệ thống lạnh (KML, VSL)	204001430	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2 /2023 - 2024
Khoa: CƠ KHÍ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (21T4)							
1	Công nghệ chế tạo máy 2 (CTM)	0714003063	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kỹ thuật chế tạo 2 (CKC)	0714001882	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Máy cắt kim loại (CCK, CKC, CTM)	0714001652	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 TRUNG CẤP (22T4)							
1	Công nghệ chế tạo dụng cụ 1 (CTM)	0714003404	Tiểu luận				
2	Dung sai - Vẽ kỹ thuật (CNÔ)	0714002301	Tự luận	120'		x	
3	Kỹ thuật chế tạo 1 (CKC)	0714001881	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CĐT)	0714001077	Tự luận	90'	x		
5	Nguyên lý cắt kim loại (CCK)	0714001647	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Vật liệu học (CCK, CTM, CKL)	0714002299	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (23T4)							
1	Dung sai - Kỹ thuật đo (CCK)	0714001870	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Nguyên lý - Chi tiết máy (CĐT)	0714001077	Tự luận	90'	x		
3	Vẽ kỹ thuật (CCK, CTM)	0714001350	Tự luận	120'		x	
2023 TRUNG CẤP (23T2)							
1	Dung sai - Vẽ kỹ thuật (CNÔ)	0713002113	Tự luận	120'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG (22C1)							
1	Các phương pháp gia công cơ khí hiện đại (CCK)	0211002420	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Công nghệ chế tạo máy (CCK, CTM)	0211000861	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kỹ thuật thủy lực - Khí nén (CCK)	0211001283	Tự luận	90'		x	
4	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0211001472	Tự luận	90'	x		
5	Thiết kế CAD cơ bản (CCK, CTM)	0211001955	Tiểu luận				
2022 CAO ĐẲNG CLC (22C3)							
1	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0201002184	Tự luận	90'	x		
2	Sức bền vật liệu (CNÔ)	0201000141	Tự luận	90'	x		
2022 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (22C7)							
1	Công nghệ chế tạo máy (CCK)	0222003079	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Lập trình CNC (CCK)	0222001453	Thi trên máy tính	120'		x	
3	Thủy lực khí nén (Pneumatics and Hydraulics) (CCK)	0222003080	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG (23C1)							
1	Cơ kỹ thuật (CCK, CTM)	0211002030	Tự luận	90'	x		
2	Dung sai - Kỹ thuật đo (CCK, CTM)	0211000769	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Nguyên lý cắt kim loại (CCK, CTM)	0211000273	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Vẽ kỹ thuật (CCK, CTM)	0211002138	Tự luận	120'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Nguyên lý - Chi tiết máy (CCK, CKL)	0204001253	Tự luận	90'	x		
2	Nguyên lý - Chi tiết máy (CNÔ)	0204002184	Tự luận	90'	x		
3	Nguyên lý cắt kim loại (CTM)	0204000273	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2023 - 2024
Khoa: ĐỘNG LỰC

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (22T4)							
1	Hệ thống điện và điện tử Ôtô (CNÔ)	0714001621	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (23T4)							
1	Điện kỹ thuật (CNÔ)	0714001359	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Điện tử cơ bản (CNÔ)	0714001620	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (23T2)							
1	Hệ thống điện và điện tử Ôtô (CNÔ)	0713002179	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kỹ thuật điện - điện tử (CNÔ)	0713001833	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Lý thuyết gầm ô tô (CNÔ)	0713001629	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (22C1)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại (CNÔ)	0211001481	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Phần mềm chẩn đoán kỹ thuật ô tô (CNÔ)	0211002422	Tiểu luận				
3	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0211000135	Tiểu luận				
2022 CAO ĐẲNG CLC TTTN NHẬT (22C6)							
1	Hệ thống phanh trên ô tô hiện đại (CNÔ)	0221001481	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Quản lý dịch vụ ô tô (CNÔ)	0221000135	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG (23C1)							
1	Kỹ thuật điện - điện tử (CNÔ)	0211003286	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Kỹ thuật điện - điện tử (CNÔ)	0204000961	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 CAO ĐẲNG CLC (23C3)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CNÔ)	0201002189	Tiểu luận				
2	Động cơ đốt trong (CNÔ)	0201000962	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Hệ thống điện và điện tử Ôtô (CNÔ)	0201001473	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Lý thuyết gầm ô tô (CNÔ)	0201001475	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2023 - 2024
Khoa: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (21T4)							
1	An toàn mạng trên Cisco(ANM)	0714002909	Tiểu luận				
2	Hệ thống mạng(CMT)	0714002922	Tiểu luận				
3	Lập trình APS.NET(TKW)	0714002964	Thi trên máy tính	120'	x		
4	Lập trình PHP(LTM, THU)	0714002942	Thi trên máy tính	120'	x		
5	Thiết kế quảng cáo(TKĐ)	0714002932	Tiểu luận				
2022 TRUNG CẤP (22T4)							
1	Điện tử cơ bản (CMT)	0714002916	Tự luận	90'		x	
2	Kỹ thuật số(CMT)	0714002917	Trắc nghiệm online	60'		x	
3	Kỹ thuật soạn thảo văn bản(THU)	0714002955	Tự luận	90'		x	
4	Linux căn bản (ANM)	0714002850	Trắc nghiệm online	60'		x	
5	Nghệ thuật chữ (TKĐ)	0714002969	Tiểu luận				
6	Thiết bị mạng (QTM)	0714002948	Tiểu luận				
7	Thiết kế Web (ĐHĐ, TKW, THU, LTM)	0714002929	Thi trên máy tính	120'	x		
8	Thiết lập hệ thống mạng (QTM)	0714002946	Tiểu luận				
9	Tin học (Các ngành)	0714002070	Thi trên máy tính	90'		x	
10	Ý tưởng sáng tạo (TKĐ)	0714002871	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (23T4)							
1	Cơ sở dữ liệu (CMT, ĐHĐ, LTM, QTM, TKW)	0714002845	Tự luận	90'		x	
2	Mỹ thuật cơ bản (ĐHĐ)	0714002829	Tiểu luận				
3	Tin học (CMT, CNM, ĐHĐ, KLB, LGT, TMĐ, LTM, QKS, QDL,QNH, QTD, THU, TKĐ)	0714002070	Thi trên máy tính	90'		x	
4	Trang trí 1 (TKĐ)	0714002828	Tiểu luận				
2022 CAO ĐẲNG (22C1)							
1	Công nghệ phần mềm (LTM)	0211003003	Tự luận	90'	x		
2	Dựng video (THU, TKĐ)	0211003108	Tiểu luận				
3	Kiểm thử phần mềm(THU)	0211003229	Tự luận	90'	x		
4	Kỹ thuật soạn thảo văn bản(THU)	0211002955	Tự luận	90'		x	
5	Lập trình ASP.Net(TKW)	0211003113	Thi trên máy tính	120'	x		
6	Lập trình Java(LTM)	0211002859	Thi trên máy tính	120'	x		
7	Lập trình mạng(TKW)	0211003002	Thi trên máy tính	120'	x		
8	Lập trình PHP(LTM, THU, TKW)	0211002942	Thi trên máy tính	120'	x		
9	Lập trình trên thiết bị di động(LTM)	0211002959	Thi trên máy tính	120'	x		
10	Linux căn bản(CMT)	0211002994	Trắc nghiệm online	60'		x	
11	Quản trị mạng nâng cao trên Linux(QTM)	0211003011	Tiểu luận				
12	Quản trị mạng trên Microsoft(QTM)	0211003014	Tiểu luận				
13	Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu(TKĐ)	0211003030	Tiểu luận				
14	Thiết kế quảng cáo (THU, TKĐ)	0211002932	Tiểu luận				
15	Thiết kế sự kiện (TKĐ)	0211002931	Tiểu luận				
16	Xây dựng hạ tầng mạng (CMT)	0211002996	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (22C7)							
1	Bảo mật dữ liệu (Data Security) (LTM)	0222003094	Tiểu luận				
2	Big Data (LTM)	0222003093	Tiểu luận				
3	Công nghệ di động (Mobile Technology) (LTM)	0222003095	Thi trên máy tính	120'	x		
4	Lập trình cơ sở dữ liệu (LTM)	0222003092	Thi trên máy tính	120'	x		
5	Nhập môn Công nghệ phần mềm (LTM)	0222002858	Tự luận	90'	x		
2023 CAO ĐẲNG (23C1)							
1	Kỹ thuật lập trình (CMT, QTM, ĐHĐ, LTM)	0211002825	Tự luận	90'		x	
2	Tin học (KTD, QTD, LGT, TMĐ, KLB, QKS, QNH)	0211002028	Thi trên máy tính	90'		x	
3	Trang trí 1 (TKĐ)	0211002828	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Lập trình cơ sở dữ liệu (THU)	0204002881	Thi trên máy tính	120'	x		
2	Lập trình Mobile (LTM)	0204003443	Thi trên máy tính	120'	x		
3	Phân tích và thiết kế hệ thống (CMT)	0204000123	Tiểu luận				
4	Phát triển ứng dụng IoT (CMT)	0204003212	Tiểu luận				
5	Thiết kế giao diện Web với UI/UX (TKW)	0204003453	Thi trên máy tính	120'	x		
6	Thiết kế UI/UX (ĐHĐ)	0204003439	Thi trên máy tính	120'	x		

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2023 - 2024
Khoa: MAY - THỜI TRANG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2022 TRUNG CẤP (22T4)							
1	Nguyên phụ liệu dệt may (CNM)	0714001710	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Thiết kế trang phục 2 (CNM)	0714000150	Tự luận	90'	x		
2022 CAO ĐẲNG (22C1)							
1	Công nghệ CAD ngành may (CNM)	0211002331	Thi trên máy tính	90'		x	
2	Quản lý đơn hàng (CNM)	0211000136	Tự luận	90'		x	
3	Thiết kế mẫu trên máy tính (CNM)	0211002442	Tiểu luận				
4	Tổ chức và quản lý chất lượng trang phục may công nghiệp (CNM)	0211001961	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 CAO ĐẲNG (23C1)							
1	Vẽ kỹ thuật ngành may (CNM)	0211001524	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Quản lý đơn hàng (CNM)	0204003425	Tự luận	90'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2023 - 2024**
Khoa: KINH TẾ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (21T4)							
1	Chiến lược và chính sách kinh doanh (QTD)	0714002226	Tự luận	90'	x		
2	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế (LGT)	0714002357	Tự luận	90'	x		
3	Kế toán trên Excel (KTD)	0714002146	Thi trên máy tính	90'		x	
4	Phân tích báo cáo tài chính (QTD)	0714001906	Tự luận	90'		x	
5	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm (TMĐ)	0714002835	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Quản trị rủi ro tài chính (TCD)	0714001905	Tự luận	90'		x	
7	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0714001729	Tự luận	90'		x	
8	Quản trị thương hiệu điện tử (TMĐ)	0714002834	Tự luận	90'		x	
9	Tài chính công (KTD)	0714002341	Tự luận	90'	x		
10	Tài chính quốc tế (TCD)	0714002359	Tự luận	90'		x	
11	Tâm lý kinh doanh (KTD)	0714002286	Trắc nghiệm	60'		x	
12	Vận tải đa phương thức (LGT)	0714002354	Tự luận	90'		x	
2022 TRUNG CẤP (22T4)							
1	Bao bì - Đóng gói hàng hóa (LGT)	0714002351	Tự luận	90'	x		
2	Dịch vụ kho hàng và trung tâm phân phối (LGT)	0714002353	Tự luận	90'		x	
3	Hành vi tổ chức (QTD)	0714001720	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kế toán doanh nghiệp (QTD)	0714001723	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kế toán tài chính (TCD)	0714003392	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
6	Kế toán tài chính 2 (KTD)	0714003397	Tự luận	90'		x	
7	Marketing căn bản (QTD)	0714001100	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Marketing dịch vụ Logistics (LGT)	0714002041	Tự luận	90'	x		
9	Marketing điện tử (TMĐ)	0714000550	Tự luận	90'	x		
10	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử B2B và B2C (TMĐ)	0714002984	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Quản trị tài chính doanh nghiệp (TMĐ)	0714001724	Tự luận	90'		x	
12	Tài chính doanh nghiệp 2 (TCD)	0714001901	Tự luận	90'		x	
13	Thuế (KTD)	0714003398	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Thương mại điện tử (KTD)	0714002083	Tự luận	90'		x	
15	Toán tài chính (TCD)	0714002631	Tự luận	90'		x	
2023 TRUNG CẤP (23T4)							
1	Kỹ năng làm việc với máy móc thiết bị (LGT)	0714002020	Tự luận	90'	x		
2	Pháp luật thương mại điện tử (TMĐ)	0714001988	Tự luận	90'	x		
3	Soạn thảo văn bản (KTD)	0714002080	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tâm lý kinh doanh(QTD)	0714002286	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (22C1)							
1	Báo cáo thuế (KTD)	21100330501	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế (LGT)	0211002460	Tự luận	90'		x	
3	Điều hành vận tải (LGT)	0211002350	Tự luận	90'	x		
4	Hệ sinh thái thương mại điện tử (TMĐ)	0211002836	Tiểu luận				
5	Kế toán hành chính sự nghiệp (KTD)	0211002338	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
6	Kế toán quản trị (KTD)	0211002340	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Kế toán tài chính 3 (KTD)	0211003304	Tự luận	90'		x	
8	Kinh doanh quốc tế (QTD)	0211002457	Tự luận	90'	x		
9	Kinh tế vĩ mô (KTD)	0211002052	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Nghiệp vụ hải quan (LGT)	0211002356	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Nhận thức về hàng hóa nguy hiểm (LGT)	0211002465	Tự luận	60'		x	
12	Phân tích hoạt động kinh doanh (KTD)	0211002051	Tự luận	90'		x	
13	Quản trị bán hàng và phân phối sản phẩm (TMĐ)	0211002835	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Quản trị chất lượng (QTD)	0211002458	Tự luận	90'		x	
15	Quản trị chuỗi cung ứng (QTD)	0211002455	Tự luận	90'		x	
16	Quản trị chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử (TMĐ)	0211002900	Tự luận	90'	x		
17	Quản trị dự án đầu tư (QTD)	0211002234	Tự luận	90'		x	
18	Quản trị Logistics (LGT)	0211002463	Tự luận	90'	x		
19	Quản trị rủi ro thương mại điện tử (TMĐ)	0211003126	Trắc nghiệm	60'		x	
20	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0211002140	Tự luận	90'		x	
21	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử B2B và B2C (TMĐ)	0211002984	Trắc nghiệm	60'		x	
22	Quản trị xuất nhập khẩu (QTD)	0211002047	Tự luận	90'		x	
23	Rủi ro bảo hiểm (LGT)	0211002461	Trắc nghiệm	60'		x	
24	Tài chính doanh nghiệp 1 (KTD)	0211002211	Tự luận	90'		x	
25	Thị trường chứng khoán (KTD)	0211002343	Tự luận	90'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
26	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (QTD)	0211002232	Tự luận	90'		x	
27	Thuế xuất nhập khẩu (LGT)	0211002467	Trắc nghiệm	60'		x	
28	Thương mại di động (TMĐ)	0211003123	Tự luận	90'	x		
29	Văn hóa doanh nghiệp (QTD)	0211002241	Tự luận	90'		x	
30	Vận tải đa phương thức (LGT)	0211002462	Trắc nghiệm	60'	x		

2023 CAO ĐẲNG (23C1)

1	Bán lẻ điện tử (TMĐ)	0211002838	Tự luận	90'	x		
2	Kinh tế vi mô (KTD)	0211001308	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kỹ năng làm việc với máy móc thiết bị (LGT)	0211002045	Tự luận	90'	x		
4	Logistics cơ bản (LGT)	0211001795	Tự luận	90'	x		
5	Marketing căn bản (QTD)	0211001314	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Marketing dịch vụ Logistics (LGT)	0211002041	Tự luận	90'	x		
7	Marketing điện tử (TMĐ)	0211000550	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Nguyên lý kế toán (KTD, QTD)	0211002018	Trắc nghiệm	60'		x	
9	Nguyên lý thống kê (KTD)	0211001311	Tự luận	90'		x	
10	Nhập môn Thương mại điện tử (TMĐ)	0211002822	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Quản trị học (QTD)	0211002048	Trắc nghiệm	60'		x	
12	Quản trị tài chính doanh nghiệp (TMĐ)	0211001544	Tự luận	90'		x	
13	Thuế xuất nhập khẩu (LGT)	0211002467	Trắc nghiệm	60'		x	
14	Thương mại điện tử (KTD)	0211002054	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Giao dịch thương mại điện tử (TMĐ)	0204003423	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Kế toán doanh nghiệp 3 (KTD)	20400248501	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Kế toán doanh nghiệp 3 (KTD)	20400248502	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Kế toán trên Excel (KTD)	0204002214	Thi trên máy tính	90'		x	
5	Kinh tế vĩ mô (KTD)	0204002052	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Marketing công nghệ số (Digital Marketing) (TMĐ)	0204003337	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Quản trị doanh nghiệp (QTD)	0204002243	Tự luận	90'	x		
8	Quản trị Logistics (LGT)	0204002463	Tự luận	90'	x		
9	Quản trị rủi ro tài chính (TCD)	0204003168	Tự luận	90'	x		
10	Quản trị tài chính (LGT)	0204002043	Tự luận	90'		x	
11	Quản trị xuất nhập khẩu (QTD)	0204002231	Tự luận	90'	x		
12	Thị trường chứng khoán (TCD)	0204002343	Trắc nghiệm	60'		x	
13	Thống kê doanh nghiệp (TCD)	0204001537	Tự luận	90'	x		
14	Thuế xuất nhập khẩu (LGT)	0204002467	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2023 - 2024
Khoa: NGOẠI NGỮ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (21T4)							
1	Tiếng Anh Đàm phán (NNA)	0714002086	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Hàn hành chính - văn phòng (NHQ)	0714003043	Tự luận	60'		x	
3	Tiếng Hàn thương mại (NHQ)	0714003044	Tự luận	60'		x	
4	Tiếng Hoa (NNA)	0714002373	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Tiếng Nhật du lịch (NTN)	0714003058	Tự luận	60'		x	
6	Tiếng Nhật văn phòng (NTN)	0714003059	Tự luận	60'		x	
2022 TRUNG CẤP (22T4)							
1	Đọc (NNA)	0714001697	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Đọc hiểu Tiếng Hàn (NHQ)	0714003034	Tự luận	60'		x	
3	Đọc hiểu Tiếng Nhật (NTN)	0714003049	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Nói (NNA)	0714001699	Vấn đáp	120'		x	
5	Viết (NNA)	0714002058	Tự luận	60'		x	
6	Viết Tiếng Hàn (NHQ)	0714003035	Tự luận	90'		x	
7	Viết Tiếng Nhật (NTN)	0714003050	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (23T4)							
1	Âm vị tiếng Hàn (NHQ)	0714003364	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Ngữ pháp Tiếng Anh 2 (NNA)	0714002557	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Ngữ pháp tiếng Hàn 1 (NHQ)	0714003365	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
4	Ngữ pháp tiếng Nhật 1 (NTN)	0714003379	Tự luận	90'		x	
5	Phát âm (NNA)	0714002506	Vấn đáp	120'		x	
6	Từ vựng học tiếng Nhật (NTN)	0714003380	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 TRUNG CẤP (23T2)							
1	Tiếng Anh 1 (CNÔ)	0713002071	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh 2 (CNÔ)	0713002201	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (22C1)							
1	Tiếng Anh Đàm phán (NNA)	0211001584	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Anh Logistics (NNA)	0211002611	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Tiếng Anh Quản trị (NNA)	0211002610	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Tiếng Hoa (NNA)	0211002474	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Tiếng Nhật tài chính – ngân hàng (NTN)	0211003296	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Tiếng Nhật văn phòng (NTN)	0211003059	Vấn đáp	120'		x	
2023 CAO ĐẲNG (23C1)							
1	Cơ sở Văn hóa Việt Nam (NHQ, NTN)	0211003412	Trắc nghiệm	60'			
2	Đọc (NNA)	0211002057	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Đọc hiểu Tiếng Hàn (NHQ)	0211003420	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Đọc hiểu Tiếng Nhật (NTN)	0211003415	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Nghe (NNA)	0211001256	Trắc nghiệm	60'		x	
6	Nghe Tiếng Hàn (NHQ)	0211003418	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Nghe Tiếng Nhật (NTN)	0211003413	Tự luận	60'		x	
8	Ngữ âm tiếng Hàn (NHQ)	0211003417	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
9	Ngữ âm và âm vị học (NNA)	0211000969	Trắc nghiệm	60'		x	
10	Ngữ pháp Tiếng Anh 1 (NNA)	0211001997	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Nói (NNA)	0211001257	Vấn đáp	120'		x	
12	Nói Tiếng Hàn (NHQ)	0211003419	Vấn đáp	120'		x	
13	Nói Tiếng Nhật (NTN)	0211003414	Vấn đáp	120'		x	
14	Tiếng Anh 1 (CMT, QTM, CN O, KML, CNL, VSL, ĐHĐ, LTM, TKW)	0211002027	Trắc nghiệm	60'		x	
15	Tiếng Anh 2 (CMT, QTM, CN O, KML, CNL, VSL, ĐHĐ, LTM, TKW)	0211002254	Trắc nghiệm	60'		x	
16	Tiếng Anh 3 (CMT, QTM, CN O, KML, CNL, VSL, ĐHĐ, LTM, TKW)	0211002259	Trắc nghiệm	90'		x	
17	Tiếng Anh Thuyết trình (NNA)	0211001593	Vấn đáp	120'		x	
18	Tiếng Việt thực hành (NHQ, NTN)	0211001095	Tự luận	60'		x	
19	Viết (NNA)	0211001259	Tự luận	60'		x	
20	Viết Tiếng Hàn (NHQ)	0211003421	Tự luận	60'		x	
21	Viết Tiếng Nhật (NTN)	0211003416	Tự luận	60'		x	

2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)

1	Tiếng Anh (Các ngành)	0204002187	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Tiếng Hoa (NNA)	0204002574	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2023 - 2024
Khoa: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 TRUNG CẤP (23T4)							
1	Giáo dục chính trị (Các ngành trừ CNÔ)	0714001981	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Pháp luật (Các ngành trừ CNÔ)	0714001982	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG (22C1)							
1	Pháp luật (Các ngành)	0211002396	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC (22C3)							
1	Pháp luật (CNÔ)	0201002396	Trắc nghiệm	60'		x	
2022 CAO ĐẲNG CLC LIÊN KẾT QUỐC TẾ (22C7)							
1	Giáo dục chính trị (CCK, LTM)	0222001967	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Pháp luật (CCK, LTM)	0222002396	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 CAO ĐẲNG (23C1)							
1	Giáo dục chính trị (CCK, CTM, ĐCN, ĐĐT, KML, ĐHĐ, CNN, KML, VSL, QTM, TKĐ, CĐT, TĐH, KXD, MTT)	0211001967	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Pháp luật (Các ngành)	0204002188	Trắc nghiệm	60'		x	
2023 CAO ĐẲNG CLC SONG HÀNH DOANH NGHIỆP (23C8)							
1	Giáo dục chính trị (ĐCN)	0223001967	Trắc nghiệm	60'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ2/2023 - 2024
Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (21T4)							
1	Hóa học 4 (Các ngành)	0714001618	Tự luận	90'		x	
2	Lịch Sử 3 (QDL, QLH)	0714002762	Trắc nghiệm	60'		x	
3	Ngữ văn 6 (QDL, QLH)	0714002764	Tự luận	90'		x	
4	Toán 6 (Các ngành)	0714001619	Tự luận	90'		x	
5	Toán 6 (QDL, QLH)	0714002763	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG (23 C1)							
1	Giáo dục quốc phòng và An ninh (CNÔ)	0211001970	Tiểu luận				
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	Giáo dục quốc phòng và An ninh (Các ngành)	0204002186	Tiểu luận				

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2024

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC TRONG HỌC KỲ 2/2023 - 2024
Khoa: DU LỊCH - KHÁCH SẠN**

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2021 TRUNG CẤP (21T4)							
1	Điều hành hoạt động hàng ngày trong nhà hàng (QNH)	0714002653	Tự Luận	90'		x	
2	Điều hành chương trình du lịch (QLH)	0714002788	Thực hành	180'		x	
3	Nghệp vụ chế biến món ăn trong khách sạn (QKS)	0714002981	Thực hành	180'		x	
4	Nghệp vụ nhà hàng (KLB)	0714002791	Thực hành	180'		x	
5	Nghệp vụ phục vụ các loại tiệc (QNH)	0714002652	Tự Luận	90'		x	
6	Quản trị các dịch vụ giải trí (QDL)	0714002775	Tiểu luận				
7	Quản trị doanh nghiệp (QDL)	0714002774	Tự Luận	90'	x		
8	Quản trị lễ tân (QKS)	0714002748	Tự Luận	90'	x		
9	Quản trị tác nghiệp (KLB)	0714002790	Tự Luận	90'		x	
2022 TRUNG CẤP (22T4)							
1	Marketing dịch vụ lưu trú (QKS)	0714002644	Trắc nghiệm	60'		x	
2	Nghệp vụ buồng (QKS)	0714002745	Thực hành	90'		x	
3	Nghệp vụ chế biến món ăn (QNH)	0714002738	Thực hành	90'		x	
4	Nghệp vụ đặt bàn ăn trong nhà hàng (QNH)	0714002739	Thực hành	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
5	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch (QDL)	0714002768	Thực hành	90'		x	
6	Nghệp vụ nhà hàng (QDL)	0714002769	Thực hành	90'		x	
7	Quản lý chất lượng (KLB)	071400259702	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Quản trị du lịch MICE (QDL)	0714002767	Tự luận	60'		x	
9	Tâm lý khách du lịch (QKS)	0714002278	Tự luận	90'		x	
10	Tâm lý kinh doanh nhà hàng (KLB)	0714002552	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Tổ chức sự kiện (QNH)	0714002534	Tự luận	90'		x	

2023 TRUNG CẤP (23T4)

1	An ninh - an toàn trong nhà hàng, khách sạn (QKS)	0714002281	Tự luận	90'		x	
2	Thống kê du lịch (QDL)	0714002279	Tự luận	90'		x	
3	Thương phẩm và an toàn thực phẩm (KLB)	0714002527	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Văn hóa ẩm thực (QNH)	0714002536	Tự luận	90'		x	

2022 CAO ĐẲNG (22C1)

1	Điều hành hoạt động hàng ngày trong nhà hàng (QNH)	0211002653	Tự luận	90'		x	
2	Điều hành chương trình du lịch (QLH)	0211002788	Thực hành	180'		x	
3	Kỹ năng giám sát (KLB)	0211002602	Tự luận	90'	x		
4	Kỹ thuật trang điểm, cắm hoa (QNH)	0211002537	Tự luận	90'		x	
5	Marketing dịch vụ lưu trú (QKS)	0211002644	Trắc nghiệm	60'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
6	Nghệp vụ buồng (QKS)	0211002642	Thực hành	90'		x	
7	Nghệp vụ chế biến món ăn (QNH)	0211002655	Thực hành	90'		x	
8	Nghệp vụ chế biến món ăn trong khách sạn (QKS)	0211002643	Thực hành	90'		x	
9	Nghệp vụ lễ tân trong khách sạn (QKS)	0211002641	Thực hành	90'		x	
10	Nghệp vụ lễ hành (QLH)	0211003313	Thực hành	90'		x	
11	Nghệp vụ nhà hàng (KLB)	0211002601	Thực hành	180'		x	
12	Nghệp vụ phục vụ các loại tiệc (QNH)	0211002652	Tự luận	90'		x	
13	Quản lý chất lượng (KLB)	0211002597	Tự luận	90'	x		
14	Quản lý chất lượng dịch vụ (QLH)	0211002781	Tự luận	90'	x		
15	Quản trị kinh doanh lễ hành (QLH)	0211003317	Tự luận	90'		x	
16	Quản trị nhà hàng (QNH)	0211002651	Tự luận	90'		x	
17	Quản trị tác nghiệp (KLB)	0211002600	Tự luận	90'		x	
18	Quản trị tiệc trong nhà hàng (QNH)	0211002654	Trắc nghiệm	60'		x	
19	Sinh lý dinh dưỡng (QNH)	0211002538	Trắc nghiệm	60'		x	
20	Tâm lý khách du lịch (QKS)	0211002278	Tự luận	90'		x	
21	Tổ chức bán chương trình du lịch (QLH)	0211003314	Tự luận	90'		x	
22	Văn hóa ẩm thực (QKS)	0211002536	Tự luận	90'		x	
23	Xây dựng chương trình du lịch (QLH)	0211003315	Tự luận	90'	x		

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2023 CAO ĐẲNG (23C1)							
1	An ninh - an toàn trong nhà hàng, khách sạn (QKS, QNH)	0211002281	Tự luận	90'		x	
2	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (QNH)	0211002530	Tự luận	60'		x	
3	Dinh dưỡng lý thuyết (KLB)	0211002285	Trắc nghiệm	60'		x	
4	Giao tiếp trong du lịch (QKS)	0211002529	Trắc nghiệm	60'		x	
5	Kỹ năng giám sát (KLB)	0211002602	Tự luận	60'	x		
6	Marketing du lịch (KLB)	0211002393	Trắc nghiệm	60'		x	
7	Marketing du lịch (QNH)	0211002393	Trắc nghiệm	60'		x	
8	Nghệp vụ văn phòng(QKS)	0211002280	Tự luận	90'		x	
9	Quản trị lễ tân (QKS)	0211002564	Tự luận	90'	x		
10	Tâm lý khách du lịch (QNH)	021100227802	Trắc nghiệm	60'		x	
11	Tổ chức sự kiện (QNH)	0211002568	Tự luận	90'		x	
12	Tổng quan du lịch và khách sạn (KLB)	0211002283	Tự luận	90'		x	
13	Văn hóa ẩm thực (QNH)	0211002536	Tự luận	90'		x	
2023 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (23C2)							
1	An ninh - an toàn trong nhà hàng, khách sạn (KLB)	0204002281	Tự luận	90'		x	
2	Đàm phán trong kinh doanh (QDL)	0204003428	Tự luận	90'	x		
3	Di tích và danh thắng Việt Nam (QDL)	0204003427	Tự luận	90'		x	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
4	Di tích và danh thắng Việt Nam(QLH)	0204003361	Tự luận	90'	x		
5	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (QNH)	0204002530	Tự luận	60'		x	
6	Nghệp vụ lễ tân trong khách sạn (QKS)	0204003430	Thực hành	90'		x	
7	Nghệp vụ nhà hàng trong quản trị khách sạn (QKS)	0204003431	Thực hành	90'		x	
8	Nghệp vụ pha chế và phục vụ đồ uống trong nhà hàng (QNH)	0204002982	Thực hành	90'		x	
9	Quản trị các dịch vụ giải trí (QLH)	0204002775	Tiểu luận				
10	Quản trị nguồn nhân lực(QKS)	0204003429	Tự luận	90'		x	
11	Quản trị tác nghiệp(KLB)	0204002790	Tự luận	90'		x	
12	Quản trị tiệc trong nhà hàng (QNH)	0204002654	Tự luận	90'	x		
13	Thủ tục xuất nhập cảnh(QDL)	0204002533	Tự luận	90'		x	
14	Tổ chức sự kiện(QLH)	0204002568	Tự luận	90'		x	
15	Xây dựng chương trình du lịch (QLH)	0204002786	Thực hành	90'		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đinh Văn Đệ